

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2017

V/v: “Ly hôn giữa chị N và anh S”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Trần Quốc Doanh.

- Ông: Phạm Văn Quang

- **Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Hồng – Thư ký TAND huyện Nam Trực.

- Đại diện VKSND huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Xuân Tụ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXX- ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị N - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: anh Vũ Văn S - Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa chị N có mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2017 được bổ sung tại bản tự khai ngày 12 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:*Chị và anh Vũ Văn S kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 30/3/2012. Sau khi cưới được 2 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do xung đột quan điểm sống. Anh chị ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay . Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Vũ Bá Q sinh ngày 24/6/2013 hiện đang ở với anh. Khi ly hôn chị nhường quyền cho anh S nuôi con và chị góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh theo qui định.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng liên quan cho bố anh là ông Vũ Văn C, ông C đã thông báo cho anh S nhưng anh không có văn bản trả lời và không đến Tòa án làm việc. Ông C cung cấp cho biết anh S và chị N kết hôn năm 2012, anh chị chỉ mâu thuẫn nhỏ nhặt nhưng tháng 4/2016 chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở, gia đình khuyên bảo chị cũng không về. Anh chị có 01 con chung là Vũ Bá Q sinh ngày 24/6/2013 đang ở với anh S và ông. Anh S đi làm sáng đi tối về.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự và đề nghị giải quyết cho chị N ly hôn anh S. Con chung giao cho anh tiếp tục nuôi theo đề nghị của chị N, chị N góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực nhận định:

(1) Về thủ tục tố tụng anh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt cho bố để anh Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng liên quan. Bố anh đã xác nhận là đã thông báo cho anh và xác nhận ý kiến của anh về việc chị N xin ly hôn. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định điều 227; điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

(2) Chị N và anh S kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N nên là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống không mấy hòa thuận. Anh chị đã ly thân từ tháng 04/2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét cuộc hôn nhân khó tồn tại được. Do vậy chị N xin ly hôn anh S sẽ được Tòa án chấp nhận.

(3) Về con chung của anh chị là Vũ Bá Q sinh ngày 24/6/2013 đang ở với anh, chị N nhường quyền nuôi con và góp tiền trợ cấp nuôi con cho anh nên chấp nhận giao con cho anh S tiếp tục nuôi. Chị N đóng góp tiền nuôi con chung cho anh mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N được quyền thăm con chung không ai được cản trở.

(4) Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

(5) Về án phí: chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Vũ Văn S.
2. Về con chung: giao cho anh Sang tiếp tục nuôi con chung là Vũ Bá Q sinh ngày 24/6/2013, chị N có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu tiền số: 0001808 ngày 12 tháng 6 năm 2017. Chị N còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Nam Trực: 02 bản;
- THADS huyện Nam Trực: 01 bản;
- UBND xã N: 01 bản;
- Dương sự: 02 bản;
- Lưu HS: 02 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

Phạm Ngọc Quỳnh